

Bản án số: 931/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24/12/2021

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Tứ Nhị

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Thủy

Ông Võ Thành Viên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tú – Thư ký Toà án Gò Vấp

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:

Ông Trần Gia Hậu – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 617/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/11/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 169/2021/QĐST – HNGĐ ngày 30/11/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Việt Ph, sinh năm 1986

Địa chỉ: quận Gò Vấp, TPHCM

Bị đơn: Bà Trần Thị Xuân T, sinh năm 1989

Địa chỉ: quận Gò Vấp, TPHCM

Tạm trú: quận Gò Vấp, TPHCM

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; Bị đơn vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn là ông Phạm Việt Ph và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện:

Ông Phạm Việt Ph và bà Trần Thị Xuân T chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 192, quyền số 02 do Ủy ban nhân dân phường 5, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/11/2012. Ông bà chung sống có một con chung tên là Phạm Trần Thảo Ng, sinh ngày 31/10/2014. Cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về cách sống, về cách nuôi dạy con, không còn lòng tin đối với nhau. Cả hai đã sống ly thân và xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông Ph yêu cầu ly hôn bà T để ổn định cuộc sống của mình. Con chung hiện đang do bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng nên ông Ph đề nghị giao bà T tiếp tục

nuôi dưỡng chăm sóc và ông cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng. Tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn là bà Trần Thị Xuân T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đến tòa án làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà T không đến nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến như nêu trên. Bị đơn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

1/ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1.1 Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử và nghị án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại các Điều 48, 175, 203, 208, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý đúng thẩm quyền, tổng đạt cho các đương sự và tiến hành hòa giải, đưa vụ án ra xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định về nội quy phiên tòa.

1.2 Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Theo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ, bị đơn có đăng ký tạm trú và sinh sống tại địa chỉ số ..., quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn gửi đơn ly hôn đến Tòa án nhân dân quận Gò Vấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự tìm hiểu, thương yêu và tự nguyện sống chung có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 192, quyển số 02 do Ủy ban nhân dân phường 5, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/11/2012. Nay có yêu cầu ly hôn, xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1.2 Về người tham gia tố tụng:

Phiên tòa xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của các đương sự:

Về mâu thuẫn vợ chồng: Nguyên đơn khởi kiện cho rằng vợ chồng luôn bất đồng quan điểm trong thời gian chung sống, không còn tin tưởng lẫn nhau, đã sống ly thân, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm lo lắng cho nhau. Nguyên đơn xác định tình cảm dành cho bị đơn không còn nên yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống riêng.

Về phía bị đơn, bị đơn từ chối nhận và ký nhận các văn bản tố tụng của tòa án giao nên Tòa án đã thực hiện thủ tục niêm yết công khai hợp lệ theo đúng quy định pháp luật nhưng bị đơn luôn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành được phiên hòa giải.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình là phải xây dựng trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng; Các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Việc nguyên đơn xác định tình cảm vợ chồng dành cho bị đơn không còn, đã sống ly thân, cả hai mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm lo lắng cho ai đã thể hiện sự tự nguyện xây dựng hôn nhân và gia đình không còn nữa, đời sống vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau. Bị đơn có biết về vụ án ly hôn nhưng không đến tòa án để giải quyết là bỏ mặc tình trạng hôn nhân của mình. Cuộc sống hôn nhân của các đương sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên ly hôn là giải pháp tốt nhất để cả hai tự ổn định cuộc sống riêng. Vì vậy, xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Có một con chung là trẻ Phạm Trần Thảo Ng, sinh ngày 31/10/2014 hiện đang sống cùng bị đơn. Nguyên đơn đề nghị bị đơn là người tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho tới khi trưởng thành và nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/ 1 tháng. Vì quyền lợi của trẻ em nên việc giao con chung cho bị đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành là cần thiết và phù hợp với quy định tại các Điều 58 và 110 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tại phiên tòa là phù hợp với phần nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1, 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 6, 7, 9 và 30 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Việt Ph được ly hôn bà Trần Thị Xuân T. Giấy chứng nhận kết hôn số 192, quyển số 02 do Ủy ban nhân dân phường 5, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/11/2012 không còn hiệu lực.

Về con chung: Giao bà Trần Thị Xuân T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng một con chung tên Phạm Trần Thảo Ng, sinh ngày 31/10/2014 cho đến khi trưởng thành.

Ông Phạm Việt Ph có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Ông Phạm Việt Ph không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người không trực tiếp nuôi con.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xét.

2/ Về án phí: Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng do ông Phạm Việt Ph chịu. Cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng ông Ph đã tạm nộp án phí theo biên lai thu số AA/2019/0028602 ngày 30/6/2021 của Chi cục Thi hành án quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh. Ông Phạm Việt Ph còn phải nộp thêm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3/ Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Nơi nhận :

- TAND TPHCM;
- VKSNDQGV;
- CCTHADS QGV;
- Nơi cấp GCNKH;
- Đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lê Tứ Nhị